

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán tổng vốn đầu tư dự án hoàn thành
Dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi tỉnh Bình Định và Hưng Yên
Tiểu dự án: Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi tỉnh Bình Định và Hưng Yên, tiểu dự án: Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tổng mức đầu tư xây dựng tiểu dự án: Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn, dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi tỉnh Bình Định và Hưng Yên;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 415/TTr-STC ngày 30/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán tổng vốn đầu tư dự án hoàn thành với các nội dung như sau:

- Tên dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi tỉnh Bình Định và Hưng Yên, tiểu dự án: Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT.
- Địa điểm xây dựng: Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Thời gian khởi công - hoàn thành: từ ngày 02/4/2018 đến ngày 31/12/2022.

Điều 2. Quyết toán chi phí bổ sung

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Tổng số		3.520.805.000	1.887.497.785
I	Chi phí khác (bổ sung)	3.520.805.000	1.887.497.785
1	Chi phí nộp tiền trồng rừng thay thế	346.615.000	346.410.785
2	Chi phí nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	3.161.945.000	1.538.177.000
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	12.245.000	2.910.000

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán
	Tổng số	3.520.805.000	1.887.497.785	1.884.587.785	2.910.000	0
1	Vốn đầu tư công			1.884.587.785		
	- Vốn ngân sách tỉnh			1.884.587.785		

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			1.887.497.785	1.887.497.785
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			1.887.497.785	1.887.497.785

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

6. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

6.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

- Được phép tắt toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	1.887.497.785	
1. Đã bố trí:	1.884.587.785	
- Vốn ngân sách tỉnh	1.884.587.785	
2. Chưa bố trí	2.910.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng;

+ Tổng nợ phải trả: 2.910.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí khác 2.910.000 đồng

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán 2.910.000 đồng

6.2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cổ định
	Tổng số	1.887.497.785
I	Gói thầu số 01-XL: Kênh chính N từ K0 đến K5+135 và hệ thống kênh nhánh	577.803.623
	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	461.774.313
	UBND xã Tây Thuận	116.029.310
II	Gói thầu số 02-XL: Kênh chính N từ K5+135 đến K13+644 và hệ thống kênh nhánh	699.595.938
	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	670.977.040
	UBND xã Tây Giang	28.618.898
III	Gói thầu số 03-XL: Kênh chính N từ K13+644 đến K17+360 và hệ thống kênh nhánh	441.985.248
	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	389.465.037
	UBND xã Bình Tường	52.520.211
IV	Gói thầu: Đập dâng Nước Gộp và tuyến kênh Nước Gộp	168.112.976
	Công ty TNHH Khai thác công trình Thủy lợi Bình Định	168.112.976

Điều 3. Quyết toán tổng dự án

Giá trị quyết toán tổng dự án là: 424.958.387.685 đồng, trong đó:

- Giá trị quyết toán đã được phê duyệt tại Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh là: 423.070.889.900 đồng.

- Giá trị quyết toán bổ sung là: 1.887.497.785 đồng.

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán
	Tổng số	426.591.694.900	424.958.387.685
I	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	41.088.146.900	41.088.146.900
1	Bồi thường, đền bù giải phóng mặt bằng		39.790.045.900
	<i>Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tây Sơn thực hiện</i>		37.892.486.900
	<i>Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT thực hiện</i>		1.897.559.000
2	Chi phí phục vụ tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng		795.852.000
	<i>Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tây Sơn thực hiện</i>		757.902.000
	<i>Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT thực hiện</i>		37.950.000
3	Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ công tác giải phóng mặt bằng xã Bình Tường, Vĩnh An		196.920.000
4	Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ công tác giải phóng mặt bằng xã Tây Thuận và xã Tây Giang		305.329.000
II	Chi phí xây dựng	341.649.073.000	348.893.588.000
1	Gói thầu số 01-XL: Kênh chính N từ K0 đến K5+135 và hệ thống kênh nhánh	108.615.761.000	109.629.033.000
	- Chi phí xây dựng	108.615.761.000	108.615.761.000
	- Chi phí biện pháp an toàn, giảm thiểu tác động về môi trường và xã hội		250.000.000
	- Hạng mục chung		
	+ Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường		103.144.000
	+ Chi phí các công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		103.144.000
	- Bảo hiểm công trình		556.984.000
2	Gói thầu số 02-XL: Kênh chính N từ K5+135 đến K13+644 và hệ thống kênh nhánh	125.942.849.000	127.664.568.000
	- Chi phí xây dựng	125.942.849.000	125.942.849.000
	- Chi phí biện pháp an toàn, giảm thiểu tác động về môi trường và xã hội		280.000.000
	- Hạng mục chung		

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán
	+ Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường		53.181.000
	+ Chi phí các công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		764.234.000
	- Bảo hiểm công trình		624.304.000
3	Gói thầu số 03-XL: Kênh chính N từ K13+644 đến K17+360 và hệ thống kênh nhánh		77.006.615.000
3.1	Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành	36.456.559.000	37.937.824.000
	- Chi phí xây dựng	36.456.559.000	36.456.559.000
	- Chi phí biện pháp an toàn, giảm thiểu tác động về môi trường và xã hội		143.490.000
	- Hạng mục chung		
	+ Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường		622.783.000
	+ Chi phí các công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		522.815.000
	- Bảo hiểm công trình		192.177.000
3.2	Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc	37.453.119.000	39.068.791.000
	- Chi phí xây dựng	37.453.119.000	37.453.119.000
	- Chi phí biện pháp an toàn, giảm thiểu tác động về môi trường và xã hội		156.510.000
	- Hạng mục chung		
	+ Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường		679.293.000
	+ Chi phí các công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		570.254.000
	- Bảo hiểm công trình		209.615.000
4	Gói thầu: Đập dâng Nước Gộp và tuyến kênh Nước Gộp	33.180.785.000	34.593.372.000
	- Chi phí xây dựng	33.180.785.000	33.180.785.000
	- Chi phí biện pháp an toàn, giảm thiểu tác động về môi trường và xã hội		135.000.000
	- Hạng mục chung		
	+ Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường		605.492.000
	+ Chi phí các công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		508.613.000
	- Bảo hiểm công trình		163.482.000
III	Chi phí quản lý dự án	4.940.076.000	4.940.076.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	20.044.495.000	20.044.495.000
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bước lập dự án đầu tư	2.282.274.000	2.282.274.000

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán
2	Chi phí lập dự án đầu tư	651.916.000	651.916.000
3	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất (giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công), thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	8.658.869.000	8.658.869.000
4	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	321.802.000	321.802.000
5	Chi phí tư vấn quốc tế hỗ trợ thiết kế kỹ thuật thi công	0	0
6	Chi phí tư vấn quốc tế hỗ trợ điều chỉnh dự án	289.120.000	289.120.000
7	Chi phí tư vấn quốc tế hỗ trợ đoàn tỉnh Bình Định tham gia học tập tại Pháp		
8	Chi phí tư vấn Phát triển quản lý tưới có sự tham gia cộng đồng (PIM)	3.167.365.000	3.167.365.000
9	Chi phí tư vấn lập HSMT, đánh giá HSMT xây lắp	182.198.000	182.198.000
10	Chi phí tư vấn lập báo cáo giám sát môi trường	576.331.000	576.331.000
11	Chi phí tư vấn kiểm tra bồi thường giải phóng mặt bằng	420.340.000	420.340.000
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3.485.972.000	3.485.972.000
13	Chi phí thẩm định giá thiết bị	8.308.000	8.308.000
V	Chi phí khác	18.869.904.000	9.992.081.785
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	24.200.000	24.200.000
2	Lệ phí thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng phần trạm biến áp của hạng mục công trình: Trạm biến áp	1.632.000	1.632.000
3	Chi phí thẩm định HSMT gói thầu xây lắp	65.232.000	65.232.000
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp	65.232.000	65.232.000
5	Khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công và dự toán Rà phá bom mìn và vật nổ	343.203.000	343.203.000
6	Rà phá bom mìn và vật nổ	5.798.827.000	5.798.827.000
7	Chi phí bảo hiểm xây dựng công trình	1.746.562.000	
8	Chi phí hạng mục chung của gói thầu số 01,02 và 03	5.497.953.000	
9	Chi phí hạng mục chung của gói thầu: Đập dâng Nước Gộp và tuyến kênh Nước Gộp		
10	Chi phí kiểm toán	1.494.293.000	1.494.293.000
	<i>Kiểm toán tài chính hàng năm</i>	<i>455.345.000</i>	<i>455.345.000</i>
	<i>Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành</i>	<i>1.038.948.000</i>	<i>1.038.948.000</i>
11	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	311.965.000	311.965.000
12	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán bổ sung	12.245.000	2.910.000
13	Chi phí nộp tiền trồng rừng thay thế	346.615.000	346.410.785
14	Chi phí nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	3.161.945.000	1.538.177.000
VI	Dự phòng chi	0	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán
	Tổng số	426.591.694.900	424.958.387.685	424.955.477.685	2.910.000	0
	1. Đã thanh toán			425.172.269.785		
	- Vốn vay cơ quan Phát triển Pháp (AFD)			325.665.873.000		
	- Vốn viện trợ AFD			4.443.834.000		
	- Vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh			91.062.562.785		
	- Vốn ngân sách huyện			4.000.000.000		
	2. Vốn đã thu hồi			216.792.100		

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			424.958.387.685	424.958.387.685
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			424.958.387.685	424.958.387.685

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tổn đọng: không.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

- Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	424.958.387.685	
1. Đã bố trí:	425.172.269.785	
- Vốn vay cơ quan Phát triển Pháp (AFD)	325.665.873.000	
- Vốn viện trợ AFD	4.443.834.000	
- Vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh	91.062.562.785	
- Vốn ngân sách huyện	4.000.000.000	
2. Vốn đã thu hồi	216.792.100	
3. Chưa bố trí	2.910.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng;

+ Tổng nợ phải trả: 2.910.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí khác 2.910.000 đồng

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán 2.910.000 đồng

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
	Tổng số	424.958.387.685
I	Gói thầu số 01-XL: Kênh chính N từ K0 đến K5+135 và hệ thống kênh nhánh	130.088.892.252
	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	103.965.614.802
	UBND xã Tây Thuận	26.123.277.450
II	Gói thầu số 02-XL: Kênh chính N từ K5+135 đến K13+644 và hệ thống kênh nhánh	157.509.674.570
	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	151.066.307.656
	UBND xã Tây Giang	6.443.366.914
III	Gói thầu số 03-XL: Kênh chính N từ K13+644 đến K17+360 và hệ thống kênh nhánh	99.510.229.888
	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	87.685.630.937
	UBND xã Bình Tường	11.824.598.951
IV	Gói thầu: Đập dâng Nước Gộp và tuyến kênh Nước Gộp	37.849.590.975
	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	37.849.590.975

Điều 5. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn, Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- CT UBND tỉnh;
- PCT N. T.C. Hoàng;
- Lưu: VT, K10

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng